

Bình Tân, ngày 17 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc công khai giảm dự toán ngân sách năm 2021 do tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 của trường THCS Tân Tạo)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Trường THCS Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân;

Căn cứ Quyết định số 6446/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về giao chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 4527/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về giảm dự toán năm 2021 do tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán đơn vị;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giảm dự toán ngân sách năm 2021 của trường THCS Tân Tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng, bộ phận kế toán và Công chức viên chức của Trường THCS Tân Tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Quận Bình Tân;
- Phòng TC&KH Quận Bình Tân;
- Kế toán, CT CD, Trường ban TTND, Tổ trưởng;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Hồng Châu

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THCS TÂN TẠO
Chương:622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 206 /QĐ-THCSTT 17/8/2021 của trường THCS Tân Tạo)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	(131)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (ngân sách)	(131)
3.1.1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	(131)
3.1.2	Kinh phí cải cách tiền lương	
	Trong đó: kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	
	- Kinh phí Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND	
	- Kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở	
3.1.3	Nguồn sự nghiệp	
	Thu học phí	
	Thu buổi 2	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Thu tiếng anh tăng cường	
	Thu tiếng anh bản ngữ	
	Thu kỹ năng sống	
	Thu quản lí bán trú	
	Thu vệ sinh bán trú	
	Thu thiết bị vật dụng bán trú	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
	<i>Dự án A</i>	
	<i>Dự án B</i>	
2	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
	<i>Dự án A</i>	
	<i>Dự án B</i>	
2	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4527/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 04 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về giảm dự toán năm 2021 do tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021;

Căn cứ Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính về tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP;

Căn cứ Công văn số 2130/UBND-KT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP;

Xét Tờ trình số 23/TTr-TCKH ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch về giảm dự toán năm 2021 do tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm dự toán năm 2021 của các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân 10 phường do tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ số tiền: **13.817 triệu đồng** (Mười ba tỷ tám trăm mười bảy triệu đồng), cụ thể:

- Cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại số tiền: 629 triệu đồng.

- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021 số tiền: 13.188 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết theo phụ lục 01, phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2. Giao Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch quận, Ủy ban nhân dân 10 phường phối hợp với Kho bạc Nhà nước Bình Tân và các đơn vị liên quan thực hiện giám dự toán theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Tân, Thủ trưởng các đơn vị có tên trong Phụ lục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

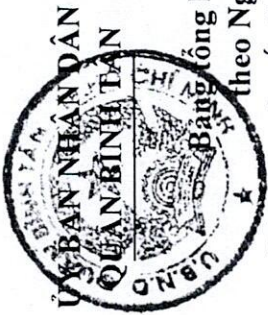
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - UBND: CT, PCT;
 - Lưu: VT, TH.
- 29541T(KH-DT)



Nguyễn Minh Nhựt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Bảng tổng hợp giảm dự toán năm 2021 do tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ (Đính kèm Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận)

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Cắt giảm 50% kinh phí Hội nghị, đi công tác trong, ngoài nước	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021			Kinh phí không tự chi/Kinh phí không thường xuyên khác
				Tổng	Kinh phí tự chi/Kinh phí thường xuyên	(3) = (4) + (5)	
A	B	(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)	
A	Ngân sách quận	12.271	279	11.992	8.479	3.513	
I	QLNN, Đảng, Đoàn thể	1.433	279	1.154	653	501	
a	Khối Quản lý nhà nước	1.278	241	1.037	652	385	
1	Văn phòng UBND	465	45	420	187	233	
2	Phòng Tư pháp	55	15	40	25	15	
3	Phòng Kinh tế	71	34	37	10	27	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	40	-	40	32	8	
5	Phòng Lao động - TBXH	84	15	69	40	29	
6	Phòng Văn hóa và Thông tin	38	12	26	11	15	
7	Phòng Nội vụ	96	44	52	44	8	
8	Thanh tra	52	17	35	24	11	
9	Phòng Giáo dục Đào tạo	55	27	28	6	22	
10	Phòng Tài nguyên Môi trường	83	7	76	66	10	
11	Phòng Y tế	46	23	23	16	7	
12	Phòng Quản lý Đô thị	193	2	191	191	-	
b	Đoàn thể	104	38	66	1	65	
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN	19	3	16	1	15	
2	Quận đoàn	23	14	9	-	9	

Đvt: triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Cắt giảm 50% kinh phí Hội nghị, đi công tác trong, ngoài nước	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021		
				Tổng	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên khác
		(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
A	B					
3	Hội Liên hiệp phụ nữ	20	-	20	-	20
4	Hội cựu chiến binh	19	7	12	-	12
5	Hội Nông dân	13	5	8	-	8
6	Hội chữ thập đỏ	10	9	1	-	1
c	Kinh phí sinh hoạt hệ	51	-	51	-	51
1	Trung tâm Văn hóa - TDTT	10		10	-	10
2	Quận đoàn	30		30	-	30
3	Nhà thiếu nhi	11		11	-	11
II	SN Giáo dục-đào tạo	7.938	-	7.938	7.826	112
a	Giáo dục	7.760	-	7.760	7.760	-
	-Giáo dục MN	1.643	-	1.643	1.643	-
-	Trường MN Cẩm Tú	75		75	75	-
-	Trường MN Sen Hồng	101		101	101	-
-	Trường MN Hoa Đào	69		69	69	-
-	Trường MN Tân Tạo	67		67	67	-
-	Trường MN Trúc Đào	63		63	63	-
-	Trường MN Hoàng Anh	93		93	93	-
-	Trường MN Hoa Hồng	72		72	72	-
-	Trường MN 19/5	78		78	78	-
-	Trường MN Hương Sen	99		99	99	-
-	Trường MN Ánh Mai	47		47	47	-
-	Trường MN Hoa phượng	110		110	110	-
-	Trường MN Ánh Sao	31		31	31	-
-	Trường MN 30/4	59		59	59	-
-	Trường MN Bình Trị Đông	66		66	66	-
-	Trường MN Hoa Phượng Vỹ	76		76	76	-
-	Trường MN Mai Vàng	10		10	10	-

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Cắt giảm 50% kinh phí Hội nghị, đi công tác trong, ngoài nước	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021		
				Tổng	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên khác
		(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
A	B	87		87	87	-
-	Trường MN Đỗ Quyền	85		85	85	-
-	Trường MN Bình Trị Đông B	38		38	38	-
-	Trường MN 20/10	57		57	57	-
-	Trường MN Tân Tạo A	53		53	53	-
-	Trường MN Cát Đằng	78		78	78	-
-	Trường MN Hồng Ngọc	46		46	46	-
-	Trường MN Thiên Tuế	69		69	69	-
-	Trường MN Dạ Lý Hương	14		14	14	-
-	Trường MN Thiết Mộc Lan	3.491		3.491	3.491	-
	-Giáo dục TH	205		205	205	-
-	Trường TH Tân Tạo	153		153	153	-
-	Trường TH Tân Tạo A	217		217	217	-
-	Trường TH An Lạc 1	141		141	141	-
-	Trường TH An Lạc 2	107		107	107	-
-	Trường TH An Lạc 3	133		133	133	-
-	Trường TH Bình Thuận	210		210	210	-
-	Trường TH Lê Trọng Tấn	228		228	228	-
-	Trường TH Bình Trị Đông	88		88	88	-
-	Trường TH Bình Trị Đông A	230		230	230	-
-	Trường TH Bình Trị 1	252		252	252	-
-	Trường TH Bình Trị 2	69		69	69	-
-	Trường TH Bình Hưng Hòa 1	166		166	166	-
-	Trường TH Bình Hưng Hòa	115		115	115	-
-	Trường TH Lê Công Phép	94		94	94	-
-	Trường TH Bình Long	159		159	159	-
-	Trường TH Bình Tân	218		218	218	-
-	Trường TH Kim Đồng					

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Cắt giảm 50% kinh phí Hội nghị, đi công tác trong, ngoài nước	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021		
				Tổng	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên khác
A	B	(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
-	Trường TH Phù Đổng	166		166	166	-
-	Trường TH Ngô Quyền	161		161	161	-
-	Trường TH Trần Văn Ôn	146		146	146	-
-	Trường TH Lê Quý Đôn	148		148	148	-
-	Trường TH Lạc Hồng	76		76	76	-
	Trường TH Bùi Hữu Nghĩa	9		9	9	
	-Giáo dục THCS	2.544	-	2.544	2.544	-
-	Trường THCS Bình Hưng Hòa	142		142	142	-
-	Trường THCS Bình Trị Đông	241		241	241	-
-	Trường THCS Bình Trị Đông A	222		222	222	-
-	Trường THCS Tân Tạo	131		131	131	-
-	Trường THCS Bình Tân	158		158	158	-
-	Trường THCS Lê Tấn Bê	182		182	182	-
-	Trường THCS Hồ Văn Long	137		137	137	-
-	Trường THCS An Lạc	167		167	167	-
-	Trường THCS Lý Thường Kiệt	217		217	217	-
-	Trường THCS Trần Quốc Toản	217		217	217	-
-	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	280		280	280	-
-	Trường THCS Tân Tạo A	150		150	150	-
-	Trường THCS Nguyễn Trãi	264		264	264	-
-	Trường THCS Lạc Long Quân	36		36	36	-
	-Khuyết tật	82	-	82	82	-
-	Trường Chuyên Biệt Bình Tân	82		82	82	-
b	Đào tạo khác	178	-	178	66	112
-	Trường BDGD	7		7	7	-
-	TT bồi dưỡng Cử	124		124	12	112
-	TT GDNN-GD TX	47		47	47	-

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Cắt giảm 50% kinh phí Hội nghị, đi công tác trong, ngoài nước	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021		
				Tổng	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên khác
		(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
A	B					
III	SN Y tế	-	-	-	-	-
-	Phòng Y tế	-	-	-	-	-
-	Phòng Lao động - TBXH	-	-	-	-	-
IV	SN VH TT-TD TT	78	-	78	-	78
-	-Trung tâm văn hóa - TD TT	56	-	56	-	56
-	-Nhà thiếu nhi	22	-	22	-	22
V	SN Kinh tế	2.346	-	2.346	-	2.346
-	Ban QL dự án đầu tư xây dựng khu vực quận BT	2.106	-	2.106	-	2.106
-	Phòng Tài nguyên Môi trường	46	-	46	-	46
-	Ban An toàn giao thông	110	-	110	-	110
-	Công an quận	30	-	30	-	30
-	Đội quản lý trật tự đô thị	20	-	20	-	20
-	Trung tâm Văn hóa - TD TT	15	-	15	-	15
-	Quận đoàn	19	-	19	-	19
VI	An ninh - Quốc phòng	476	-	476	-	476
-	Công an quận	255	-	255	-	255
-	Quân sự quận	221	-	221	-	221
B	Ngân sách Phường	1.546	350	1.196	-	1.196
1	UBND Phường An Lạc	59	-	59	-	59
2	UBND Phường An Lạc A	160	7	153	-	153
3	UBND Phường Bình Trị Đông	246	81	165	-	165
4	UBND Phường Bình Trị Đông A	78	21	57	-	57
5	UBND Phường Bình Trị Đông B	219	57	162	-	162
6	UBND Phường Bình Hưng Hòa	154	29	125	-	125
7	UBND Phường Bình Hưng Hòa A	135	42	93	-	93
8	UBND Phường Bình Hưng Hòa B	123	9	114	-	114

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Cắt giảm 50% kinh phí Hội nghị, đi công tác trong, ngoài nước	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021		
				Tổng	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên khác
A	B	(1) = (2) + (3)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
9	UBND Phường Tân Tạo	90	17	73	-	73
10	UBND Phường Tân Tạo A	282	87	195	-	195
TỔNG CỘNG		13.817	629	13.188	8.479	4.709

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02
Bảng tổng hợp giảm dự toán

(Đính kèm Quyết định số 4527/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận)

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Nguồn 13	Nguồn 12
A	B	(1) = (2) + (3)	(2)	(3)
A	Ngân sách quận	12.271	8.479	4.021
I	QLNN, Đảng, Đoàn thể	1.433	653	1.006
a	Khối Quản lý nhà nước	1.278	652	745
1	Văn phòng UBND	465	187	278
2	Phòng Tư pháp	55	25	30
3	Phòng Kinh tế	71	10	61
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	40	32	8
5	Phòng Lao động - TBXH	84	40	44
6	Phòng Văn hóa và Thông tin	38	11	27
7	Phòng Nội vụ	96	44	52
8	Thanh tra	52	24	28
9	Phòng Giáo dục Đào tạo	55	6	49
10	Phòng Tài nguyên Môi trường	83	66	17
11	Phòng Y tế	46	16	30
12	Phòng Quản lý Đô thị	193	191	2
b	Đoàn thể	104	1	103
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc	19	1	18
2	Quận đoàn	23	-	23
3	Hội Liên hiệp phụ nữ	20	-	20
4	Hội cựu chiến binh	19	-	19
5	Hội Nông dân	13	-	13
6	Hội Chữ thập đỏ	10	-	10
c	Kinh phí sinh hoạt hè	51	-	51
1	Trung tâm Văn hóa - TDTT	10	-	10
2	Quận đoàn	30	-	30
3	Nhà thiếu nhi	11	-	11
II	SN Giáo dục-đào tạo	7.938	7.826	115
a	Giáo dục	7.760	7.760	-
	-Giáo dục MN	1.643	1.643	-
-	Trường MN Cẩm Tú	75	75	-
-	Trường MN Sen Hồng	101	101	-
-	Trường MN Hoa Đào	69	69	-
-	Trường MN Tân Tạo	67	67	-
-	Trường MN Trúc Đào	63	63	-
-	Trường MN Hoàng Anh	93	93	-
-	Trường MN Hoa Hồng	72	72	-
-	Trường MN 19/5	78	78	-
-	Trường MN Hương Sen	99	99	-
-	Trường MN Ánh Mai	47	47	-
-	Trường MN Hoa phượng	110	110	-
-	Trường MN Ánh Sao	31	31	-
-	Trường MN 30/4	59	59	-
-	Trường MN Bình Trị Đông	66	66	-

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Nguồn 13	Nguồn 12
A	B	(1) = (2) + (3)	(2)	(3)
-	Trường MN Hoa Phượng Vỹ	76	76	-
-	Trường MN Mai Vàng	10	10	-
-	Trường MN Đỗ Quyên	87	87	-
-	Trường MN Bình Trị Đông B	85	85	-
-	Trường MN 20/10	38	38	-
-	Trường MN Tân Tạo A	57	57	-
-	Trường MN Cát Đằng	53	53	-
-	Trường MN Hồng Ngọc	78	78	-
-	Trường MN Thiên Tuế	46	46	-
-	Trường MN Dạ Lý Hương	69	69	-
-	Trường MN Thiết Mộc Lan	14	14	-
	-Giáo dục TH	3.491	3.491	-
-	Trường TH Tân Tạo	205	205	-
-	Trường TH Tân Tạo A	153	153	-
-	Trường TH An Lạc 1	217	217	-
-	Trường TH An Lạc 2	141	141	-
-	Trường TH An Lạc 3	107	107	-
-	Trường TH Bình Thuận	133	133	-
-	Trường TH Lê Trọng Tấn	210	210	-
-	Trường TH Bình Trị Đông	228	228	-
-	Trường TH Bình Trị Đông A	88	88	-
-	Trường TH Bình Trị 1	230	230	-
-	Trường TH Bình Trị 2	252	252	-
-	Trường TH Bình Hưng Hòa 1	69	69	-
-	Trường TH Bình Hưng Hòa	166	166	-
-	Trường TH Lê Công Phép	115	115	-
-	Trường TH Bình Long	94	94	-
-	Trường TH Bình Tân	159	159	-
-	Trường TH Kim Đồng	218	218	-
-	Trường TH Phú Đồng	166	166	-
-	Trường TH Ngô Quyền	161	161	-
-	Trường TH Trần Văn Ôn	146	146	-
-	Trường TH Lê Quý Đôn	148	148	-
-	Trường TH Lạc Hồng	76	76	-
-	Trường TH Bùi Hữu Nghĩa	9	9	-
	-Giáo dục THCS	2.544	2.544	-
-	Trường THCS Bình Hưng Hòa	142	142	-
-	Trường THCS Bình Trị Đông	241	241	-
-	Trường THCS Bình Trị Đông A	222	222	-
-	Trường THCS Tân Tạo	131	131	-
-	Trường THCS Bình Tân	158	158	-
-	Trường THCS Lê Tấn Bê	182	182	-
-	Trường THCS Hồ Văn Long	137	137	-
-	Trường THCS An Lạc	167	167	-
-	Trường THCS Lý Thường Kiệt	217	217	-
-	Trường THCS Trần Quốc Toàn	217	217	-
-	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	280	280	-
-	Trường THCS Tân Tạo A	150	150	-
-	Trường THCS Nguyễn Trãi	264	264	-
-	Trường THCS Lạc Long Quân	36	36	-

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Nguồn 13	Nguồn 12
A	B	(1) = (2) + (3)	(2)	(3)
	-Trường Chuyên Biệt Bình Tân	82	82	-
-	Trường Chuyên Biệt Bình Tân	82	82	-
b	Đào tạo khác	178	66	115
-	Trường BDGD	7	7	-
-	TT bồi dưỡng Ctrị	124	12	112
-	TT GDNN-GDTX	47	47	-
III	SN VH TT-TD TT	78	-	78
-	Trung tâm văn hóa - TD TT	56	-	56
-	Nhà thiếu nhi	22	-	22
IV	SN Kinh tế	2.346	-	2.346
-	Ban QL dự án đầu tư xây dựng khu vực quận BT	2.106	-	2.106
-	Phòng Tài nguyên Môi trường	46	-	46
-	Ban An toàn giao thông	110	-	110
-	Công an quận	30	-	30
-	Đội quản lý trật tự đô thị	20	-	20
-	Trung tâm Văn hóa - TD TT	15	-	15
-	Quận đoàn	19	-	19
V	An ninh - Quốc phòng	476	-	476
-	Công an quận	255	-	255
-	Quân sự quận	221	-	221
B	Ngân sách phường	1.546	-	1.546
-	UBND Phường An Lạc	59	-	59
	UBND Phường An Lạc A	160	-	160
	UBND Phường Bình Trị Đông	246	-	246
	UBND Phường Bình Trị Đông A	78	-	78
	UBND Phường Bình Trị Đông B	219	-	219
	UBND Phường Bình Hưng Hòa	154	-	154
	UBND Phường Bình Hưng Hòa A	135	-	135
	UBND Phường Bình Hưng Hòa B	123	-	123
	UBND Phường Tân Tạo	90	-	90
	UBND Phường Tân Tạo A	282	-	282
C	TỔNG CỘNG (C = A + B)	13.817	8.479	5.567

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN